



BÁO CÁO

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

MÃ HOẠT ĐỘNG: INVEN-8 (PE2)

**“Hỗ trợ sửa đổi các quy định về hành vi vi phạm
các quy định bảo vệ môi trường”**

(Bản cuối)

Thực hiện: PGS.TS Nguyễn Xuân Hải, chủ nhiệm
khoa Môi trường, trường Đại học Khoa học
Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
Cùng GS.TS Phạm Ngọc Hồ, Trung tâm
Quan trắc và Mô hình hóa môi trường,
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học
Quốc gia Hà Nội

*Tài liệu này được thực hiện với sự hỗ trợ của Liên minh châu Âu. Những quan điểm
nêu trong tài liệu này là của nhóm tác giả, không phản ánh quan điểm chính thức
của Bộ Công Thương hay Liên minh Châu Âu.*

DANH MỤC

TÓM TẮT NỘI DUNG BÁO CÁO	2
I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	2
II. NỘI DUNG THỰC HIỆN	4
1. Nội dung công việc:	4
2. Kết quả thực hiện	4
2.1. Kết quả phân tích ưu, nhược điểm của quá trình thực thi Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.....	4
2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan:.....	15
3. Kết quả điều tra, khảo sát các doanh nghiệp	16
III. ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH SỐ 179/2013/NĐ-CP	17
1. Những quy định chung.....	17
2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	19
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	38

TÓM TẮT NỘI DUNG BÁO CÁO

Với mục tiêu hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, nhóm chuyên gia trong nước đã thảo luận và đưa ra kế hoạch thực hiện các nội dung cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động và đề cương của Báo cáo.
- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, phân tích các ưu, nhược điểm trong quá trình thực thi Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.
- Điều tra thực địa, đến khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp có lượng xả thải lớn, tìm kiếm các thông tin liên quan đến hành vi vi phạm hành chính về môi trường, phân tích, tổng hợp và đề xuất khung hình phạt và biện pháp xử lý.
- Dựa trên các phân tích về các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và kết quả khảo sát thực tiễn đề xuất cụ thể các hành vi vi phạm và khung hình phạt tương ứng.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển nóng nền kinh tế trong thời gian vừa qua đang để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng, nhiều vụ việc gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được phát hiện và xử lý cho thấy các đối tượng vi phạm đã cố ý trốn tránh trách nhiệm về bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng lợi nhuận bất chính. Trước tình hình ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp và hành vi vi phạm của các đối tượng ngày càng tinh vi thì việc xây dựng và hoàn thiện chế tài xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết.

Ngày 14 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 179/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định). Sự ra đời của Nghị định đóng góp vào hệ thống chính sách pháp luật một công cụ quan trọng để xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường. Trong Nghị định mức phạt đối với các hành vi vi phạm đã được nâng lên đáng kể, các hành vi vi phạm rõ ràng hơn, đánh mạnh vào ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân, buộc họ phải có thái độ tích cực chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nghị định đã góp phần

tích cực vào việc nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, tuy nhiên trong quá trình áp dụng vào thực tiễn còn phát sinh một số bất cập.

Từ kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường do Tổng cục Môi trường cung cấp cho thấy: trong thời gian vừa qua đã phát hiện nhiều vụ vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như: vụ việc của Tổng Công ty Giấy Việt Nam, Công ty TNHH Miwon, Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa, Công ty TNHH Eclat Fabrics, Công ty TNHH NEW TOYO PULPPY xả nước thải chưa được xử lý vào cống thoát nước mưa của Khu công nghiệp VISIP I; vụ việc 04 Công ty luyện, cán thép từ thép phế liệu đang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (Công ty TNHH Thép FuCo, Công ty Thép Miền Nam thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP, Công ty Cổ phần Thép Pomina 2 và Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina) tồn hàng ngàn tấn bụi lò luyện thép vẫn chưa tìm được đối tác vận chuyển, xử lý; vụ việc chôn lấp hàng trăm tấn chất thải nguy hại không đúng quy định của Công ty TNHH Nhà nước MTV xử lý và chế biến chất thải Phú Thọ; Công ty TNHH Phương Duy, Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông, Công ty TNHH Một thành viên Kaneshiro Việt Nam, Công ty TNHH thủy sản Đông Hải; vụ việc bắt quả tang Công ty Cổ phần BITEXCO Nam Long đang xả trực tiếp nước thải dệt nhuộm không qua xử lý ra hệ thống thu gom nước mưa của KCN Nguyễn Đức Cảnh qua hai cửa xả trái phép và vụ việc gây ô nhiễm môi trường khu công nghiệp Tăng Lông tỉnh Lào Cai: xả khí thải, nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép, bắt quả tang Công ty Cổ phần hóa chất Phúc Lâm xả nước thải không qua xử lý, các Công ty không giám sát được khí thải lò điện, gây sự cố môi trường vỡ hồ chứa quặng đuôi thải của nhà máy tuyển Cam Đường thuộc Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam. Công ty Cổ phần hóa chất phân bón Lào Cai gây sạt lở bãi gyps thải vào hồ nước trong khuôn viên dẫn tới tràn nước thải có pH thấp ra môi trường.... Nguyên nhân trước tiên là do bản thân các cơ sở và chủ đầu tư các KCN, CCN chưa thực sự quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, các hướng dẫn thực hiện còn chung chung. Ngoài ra, các văn bản hướng dẫn quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước còn chưa hoàn thiện, cần thiết phải có chế tài xử phạt nghiêm khắc các vi phạm để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân đặc biệt các doanh nghiệp, góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách môi trường của nước ta.

Căn cứ pháp lý quan trọng để xây dựng nên Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là Luật bảo vệ môi trường năm 2005, Luật Thanh tra 2010 và Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 cùng các nghị định và thông tư hướng dẫn được ban hành đòi hỏi phải có sự điều chỉnh ở các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường dưới luật cho phù hợp với quy định của Luật mới. Việc sửa đổi, bổ sung các chính sách pháp luật cho phù hợp với thực tiễn khách quan là tất yếu, trước những thách thức mà chúng ta đang phải đối mặt đối với các vấn đề môi trường của Việt Nam thì việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 179/2013/NĐ-CP là hết sức cần thiết.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung công việc:

Các nội dung công việc đã được thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động và đề cương của Báo cáo.
- rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, phân tích các ưu, nhược điểm trong quá trình thực thi Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.
- Điều tra thực địa, đến khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp có lượng xả thải lớn, tìm kiếm các thông tin liên quan đến hành vi vi phạm hành chính về môi trường, phân tích, tổng hợp và đề xuất khung hình phạt và biện pháp xử lý.
- Dựa trên các phân tích về các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và kết quả khảo sát thực tiễn đề xuất cụ thể các hành vi vi phạm và khung hình phạt tương ứng.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Kết quả phân tích ưu, nhược điểm của quá trình thực thi Nghị định số 179/2013/NĐ-CP

- *Ưu điểm của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP:*

Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định) gồm 5 chương với 77

điều, thêm 1 chương và 13 điều so với Nghị định số 117/2009/NĐ-CP, đồng thời có 1 chương riêng quy định hình thức xử lý đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và công khai thông tin vi phạm hành chính. Nghị định là sự kế thừa khoa học và hiệu quả những ưu điểm của Nghị định số 117/2009/NĐ-CP và bổ sung các hành vi vi phạm theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Trong Nghị định này, khung và mức phạt đã được chi tiết hóa. Một số hành vi vi phạm hành chính trước đây không xử lý được do không có chế tài xử phạt nay đã được cụ thể hóa trong Nghị định như: Các hành vi vi phạm hành chính đối với các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ là đối tượng phải lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Các cơ sở trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có cam kết BVMT hoặc báo cáo ĐTM; Quy định các hành vi về BVMT trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải; Quy định các hành vi về túi ni lon thân thiện môi trường; Quy định các hành vi trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; Quy định các hành vi vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Theo Nghị định, mức phạt tối đa tăng 1 tỷ đồng đối với cá nhân và 02 tỷ đồng đối với tổ chức; riêng đối với các thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân thành phố có thể thông qua mức phạt lên gấp 2 lần so với quy định chung. Đồng thời, Nghị định mới xác định cụ thể cách tính số lần vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và sẽ lấy số lần vượt cao nhất để xử phạt, trường hợp có nhiều thông số vượt, tùy theo mức vượt sẽ tăng thêm từ 1%-4% nhưng không quá tổng mức phạt đối với hành vi vi phạm đó. Trường hợp có nhiều điểm xả thải thì bị xử phạt theo từng điểm xả thải. Ngoài ra, Nghị định cũng bổ sung hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động của cơ sở hoặc đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở, KCN: Đối với trường hợp không lập hoặc không thực hiện bản cam kết BVMT theo quy định; Đối với trường hợp không lập ĐTM hoặc không thực hiện ĐTM phê duyệt.

Đặc biệt, để góp phần thực thi nghiêm Luật Đa dạng sinh học (ĐDSH), Nghị định đã quy định các hành vi vi phạm hành chính về ĐDSH (từ Điều 41 - 48): Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên; Vi phạm quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật hoặc bộ phận cơ thể, sản phẩm của loài động vật hoang dã, giống vật nuôi thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; vi phạm các quy định về bảo vệ các

loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn; Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn ĐDSH; Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại; vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen; Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen; Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen tại Điều 48.

Đồng thời, trong Nghị định mới, quy định về xả chất thải gây ô nhiễm môi trường đã được định lượng một cách chi tiết đảm bảo công bằng trong quá trình xử phạt vi phạm, việc quy định phạt tăng thêm đối với thông số thứ hai trở lên trong cùng một mẫu chất thải được giám định, phân tích sẽ khách quan hơn tránh trường hợp cơ sở xả chất thải vượt quy chuẩn môi trường cho phép với lưu lượng khác nhau và một thông số môi trường vượt quy chuẩn cho phép hay nhiều thông số môi trường vượt quy chuẩn cho phép nhưng cùng chung một mức xử phạt. Do tính chất tác động nguy hiểm đến môi trường của các thông số môi trường nguy hại trong nước thải, khí, bụi thải, Nghị định đã đưa ra một điều riêng để đảm bảo xử lý đúng đối với mức độ tác động của hành vi vi phạm đến môi trường.

Theo Nghị định, các hành vi vi phạm hành chính về lập, thực hiện cam kết BVMT; lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM; lập, thực hiện đề án BVMT được quy định từ Điều 9 - Điều 13 của Nghị định. Các quy định này xác định cụ thể các hành vi vi phạm, phân loại theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm; xác định mức xử phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền 250.000.000 đồng (bằng 25% mức phạt tiền tối đa); áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động của bộ phận, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và buộc khắc phục hậu quả vi phạm theo quy định.

Đối với các hành vi xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ô nhiễm môi trường, Nghị định đã xác định cụ thể các hành vi vi phạm, mức độ gây ô nhiễm theo các thông số môi trường không nguy hại và nguy hại, các khoảng chia về lưu lượng và khối lượng chất thải, đảm bảo sự công bằng và khoa học, có tính đến những nguồn thải lớn (nước thải trên 10.000 m³/ngày đêm, lưu lượng khí thải trên 100.000 m³/giờ); quy định khung phạt gây ô nhiễm tiếng ồn, độ rung tương thích với quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới ban hành. Mức phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền tối

đa là 1.000.000.000 đồng cho các nguồn thải lớn hoặc chất thải có chứa chất nguy hại gây ô nhiễm nghiêm trọng hoặc có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường; áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động của bộ phận, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, buộc khắc phục hậu quả vi phạm và buộc thanh toán kinh phí giám định mẫu môi trường theo quy định của Luật Thanh tra và pháp luật hiện hành trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải.

Đối với các hành vi vi phạm về quản lý chất thải được quy định từ điều 21 - 25, trong đó đưa ra các mức xử phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền, tối đa là 1.000.000.000 đồng đối với hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại hoặc đình chỉ hoạt động của bộ phận, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, buộc khắc phục hậu quả vi phạm và thanh toán kinh phí giám định mẫu theo quy định hiện hành.

Ngoài ra, từ Điều 26 - 41, Nghị định quy định rõ việc xử phạt về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học; bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, sản phẩm thân thiện môi trường, quan trắc môi trường. Các quy định này xác định cụ thể các hành vi vi phạm, mức phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền tối đa là 1.000.000.000 đồng đối với hành vi gây sự cố tràn dầu lớn, đổ, thải chất thải nguy hại gây ô nhiễm biển; áp dụng xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm, buộc khắc phục hậu quả vi phạm, bồi thường thiệt hại và thanh toán kinh phí giám định mẫu theo quy định.

Đặc biệt, đối với các hành vi vi phạm về bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật và tài nguyên di truyền; cản trở hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, Nghị định đã đưa ra mức phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền tối đa là 1.000.000.000 đồng với hành vi khai thác trái phép loài thực vật, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài ngoại lai xâm hại; áp dụng xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động đối với vi phạm nghiêm trọng.

Để tránh chồng chéo trong quá trình xử phạt nhưng không để kẽ hở dẫn đến việc không xử lý kịp thời các vi phạm khi được phát hiện, căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định đã quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và phân định rõ thẩm quyền xử phạt của các lực lượng (Quy định từ Điều 51 - 54), điều này tạo thuận lợi cho các bên liên quan tiến hành xử phạt, nhằm đảm bảo phù hợp với việc tăng mức phạt đối với từng hành vi vi phạm trong tình hình thực tế, tránh chồng chéo, để các chức danh được xử phạt theo đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 54 quy định rõ, Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT tại điều, khoản nào của Nghị định này thì chỉ được thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, điều tra, kiểm tra, thanh tra về BVMT trong phạm vi các điều, khoản đó của Nghị định này quy định; trường hợp phát hiện cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt của mình thì phải thông báo và phối hợp ngay với cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT đối với hành vi đó để kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Điều 55 của Nghị định đã quy định về thủ tục tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn và thủ tục kiểm tra, xác nhận đã khắc phục xong hậu quả vi phạm hành chính.

Nghị định ra đời đã làm chuyển biến tích cực công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước, đảm bảo việc triển khai công tác thanh, kiểm tra và xử phạt vi phạm thống nhất, có hiệu quả, có tính răn đe, buộc các doanh nghiệp phải thay đổi hành vi theo hướng có lợi cho môi trường và đầu tư xử lý môi trường.

- Những hạn chế của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP

Trong quá trình thực tiễn áp dụng Nghị định 179/2013/NĐ-CP còn nảy sinh một số vấn đề như đối với một số trường hợp nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm công nghiệp hay tự nhiên), hành vi xả nước thải ra môi trường giữa mỗi giai đoạn nuôi vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải hiện chưa có quy chuẩn kỹ thuật quy định và quy định về xử lý, biện pháp khắc phục hậu quả đối với trường hợp này. Khoản 4, Điều 49 quy định mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng chung cho các trường hợp không chấp hành quyết định xử phạt là không hợp lý giữa các hành vi

có mức xử phạt cao và các hành vi có mức xử phạt thấp. Nên điều chỉnh theo hướng quy định mức phạt tiền theo tỷ lệ % mức xử phạt của hành vi vi phạm đó mà đối tượng bị xử phạt không chấp hành.

Trong thực tế một số cơ sở xây dựng hệ thống xử lý chất thải nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường, quá trình vận hành thử nghiệm cho thấy không đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật cho phép đối với chất thải phát sinh, nhưng không đầu tư để cải tạo, nâng cấp hoặc thay thế hệ thống, cố tình hoạt động bằng cách kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm, cần phải có chế tài cho trường hợp này. Tuy nhiên, một số cơ sở đã chủ động nâng cấp, điều chỉnh hệ thống để đảm bảo xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường cho phép mà chưa làm thủ tục báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu bị xử phạt sẽ không công bằng. Như vậy, cần sửa đổi vào quy định xử phạt để đảm bảo xử lý đúng đối tượng gây ô nhiễm.

Một số quy định về hành vi vi phạm còn rộng, chưa có tính răn đe đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm có mức độ nghiêm trọng, khối lượng xả thải lớn và chưa hợp lý đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm ở mức độ ít nghiêm trọng, chưa đảm bảo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, chưa đảm bảo công bằng trong quá trình xử phạt.

Đối với hành vi xả nước thải: các khoảng chia vượt quy chuẩn cho phép mặc dù đã chi tiết hóa so với các Nghị định trước đây nhưng vẫn còn rộng (gồm: dưới 2 lần, từ 2 đến dưới 5 lần, từ 5 đến dưới 10 lần và trên 10 lần). Các khoảng chia lưu lượng nguồn thải rộng, chưa phù hợp thực tế và công bằng trong xử phạt, đặc biệt lưu lượng nước thải của một nguồn thải lớn thường giao động từ 4.000-6000 m³/ngày, hầu như chưa có nguồn thải nào có lưu lượng khoảng 10.000 m³/ngày.

Đối với hành vi xả khí thải: quy chuẩn cho phép nồng độ các thông số ô nhiễm trong khí thải có giá trị cao hơn nhiều lần so với nước thải, nên nếu xả khí thải vượt quy chuẩn từ 02 lần trở lên thì nồng độ, lưu lượng và mức độ ô nhiễm không khí rất nghiêm trọng. Nhiều ý kiến đề nghị để đảm bảo công bằng và đánh giá đúng mức độ nghiêm trọng của hành vi nên chia nhỏ hơn các khoảng vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép.

Tại Điểm b, Khoản 1 Điều 9 của Dự thảo quy định xử phạt đối với hành vi “không nghiên cứu, tiếp thu những ý kiến khách quan, kiến nghị hợp lý của các đối

tượng liên quan được tham vấn để hạn chế thấp nhất tác động bất lợi của dự án đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng”. Tuy nhiên, việc xử lý hành vi này là không cần thiết. Cơ quan có thẩm quyền không có cơ sở để khẳng định một ý kiến là “hợp lý” và “khách quan” để tiến hành xử phạt. Nếu chủ dự án không tiếp thu, nhưng đã thể hiện đầy đủ, trung thực các ý kiến góp ý trong báo cáo ĐTM thì đã hoàn thành nghĩa vụ. Nếu cần thiết, hội đồng thẩm định sẽ yêu cầu chủ dự án tiếp thu các ý kiến này thì báo cáo mới được phê duyệt.

Việc phân định thẩm quyền thẩm định đối với các thủ tục môi trường đã cho thấy rõ tầm quan trọng và mức độ tác động đến môi trường của mỗi dự án. Tuy nhiên tại Điều 9 các cơ sở có chung thủ tục môi trường là báo cáo ĐTM dù thuộc cấp tỉnh phê duyệt hay cấp Bộ phê duyệt khi vi phạm cùng một hành vi đều có mức xử phạt như nhau.

Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao chưa có chế tài như: không tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp và công tác bảo vệ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; không bố trí bộ phận chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; không có nhật ký vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung; nhật ký vận hành không đầy đủ các nội dung: lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải; không đảm bảo diện tích cây xanh trong phạm vi khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; quy hoạch các khu chức năng, các loại hình hoạt động không phù hợp với các hoạt động bảo vệ môi trường; không có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; không có thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào.

Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản chưa có chế tài như: không thu gom, xử lý bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản theo quy định; không thực hiện phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản theo quy định; sử dụng hóa chất độc hại hoặc tích tụ độc hại trong khu nuôi trồng thủy sản tập trung; xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển; phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.

Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp chưa có chế tài như: không xây dựng phương án bảo vệ môi trường theo quy định; không đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; không tổ chức quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật; không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường.

Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với khu kinh doanh, dịch vụ tập trung chưa có chế tài như: không xây dựng phương án bảo vệ môi trường theo quy định; không đầu tư hệ thống thu gom nước thải, chất thải rắn đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường.

Điều Khoản 1 Điều 15 của Dự thảo quy định việc xử lý hành vi thải mùi hôi thối vào môi trường. Hành vi này mang tính định tính, không có căn cứ rõ ràng và dễ bị hiểu theo nhiều nghĩa, nên khó khăn trong thực tiễn áp dụng.

Các trường hợp theo quy định trước đây đã lập Cam kết bảo vệ môi trường hoặc tương đương nhưng hiện nay đối tượng tương tự như vậy thì phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Văn bản pháp luật hiện hành không có hướng dẫn việc quản lý đối tượng đã lập cam kết bảo vệ môi trường này như thế nào; cấp huyện tiếp tục quản lý hoặc chuyển hồ sơ lên cấp tỉnh quản lý; có phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hay không; nếu đối tượng này vi phạm hành chính thì áp dụng khung phạt dành cho đối tượng lập Cam kết bảo vệ môi trường hay đối tượng lập ĐTM.

Các hành vi vi phạm về xả nước thải, khí thải, bụi gây ô nhiễm môi trường luôn có kèm theo lưu lượng xả thải. Tuy nhiên, chưa có quy định về việc áp dụng nguồn số liệu nào (từ ĐTM/cam kết, từ kê khai của đối tượng vi phạm, hoặc phải đo đạc hay sử dụng số liệu nào khác), cần quy định cho phù hợp.

Đối với các trường hợp xử phạt hành vi như: thực hiện không đầy đủ một trong các nội dung cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận (một trong các nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt); hành vi không lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo quy định và gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để được kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức; không có

Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án hoặc Giấy xác nhận việc đã thực hiện một trong các hạng mục công trình của dự án đã được đầu tư trong trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư theo nhiều giai đoạn trước khi đưa dự án, công trình vào vận hành chính thức; thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định; không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định; không có Cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định (không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định). Các trường hợp xử lý này chưa đúng quy định biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung vi phạm hoặc phải lập Cam kết bảo vệ môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường). Đối với các trường hợp xử phạt hành vi về thực hiện Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt cũng không có quy định biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung trong Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận hoàn thành biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

Hiện nay, có một số cơ sở sản xuất kinh doanh xen kẽ khu dân cư có xây dựng hệ thống xử lý chất thải, khoảng cách an toàn giữa hệ thống xử lý chất thải với nhà dân xung quanh được quy định tại các văn bản lĩnh vực xây dựng, tuy nhiên đối với trường hợp cơ sở có hệ thống xử lý chất thải không đúng quy định về khoảng cách an toàn thì chưa có quy định xử lý và biện pháp khắc phục hậu quả.

Tại điều 12 của Nghị định về vi phạm các quy định về BVMT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có cam kết BVMT hoặc báo cáo ĐTM: Khoản 2 và Khoản 3 điều này quy định mức phạt tiền cụ thể đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để rò rỉ, phát tán khí thải, hơi, khí độc hại ra môi trường, nhưng không đề cập hoặc quy định mức phạt trong trường hợp các đơn vị này để rò rỉ, phát thải nước thải ra môi trường.

Tại Điểm c, Điều 8 Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi xây lắp không đúng, không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý môi trường theo quy định: hành vi này rất khó xử lý do hình thức bản cam kết bảo vệ môi trường không có dự án đầu tư theo quy định ở dạng bảng biểu, theo đó chủ cơ sở đánh dấu có hoặc không vào bản cam

kết, trong đó không thể hiện được quy trình hệ thống xử lý nước thải nên khó đánh giá được việc xây lắp và vận hành đúng hay không.

Tại Điều 15, Điều 16 xử lý hành vi thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải đều có quy định hành vi vi phạm trong trường hợp với lưu lượng khí thải cụ thể. Đối với quy định này chỉ áp dụng xử lý được trường hợp đối tượng vi phạm phát tán bụi, khí qua ống khói, còn trường hợp đối tượng vi phạm phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh thì không áp dụng xử lý được.

Chưa có mức xử phạt về hành vi cá nhân, tổ chức có phát sinh chất thải nguy hại mà không có hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng theo quy định.

Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt: hiện nay, mức phạt đối với các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường, đặc biệt là các hành vi xả thải, hiện rất cao, một số trường hợp quá khả năng nộp phạt đối với một số tổ chức/cá nhân hoạt động sản xuất ở quy mô nhỏ, hoặc một số cá nhân, tổ chức chây ì không nộp phạt. Một số tổ chức/cá nhân chăn nuôi heo đã bị xử phạt vi phạm hành chính (nhưng chưa đến mức đình chỉ hoạt động có thời hạn), nhưng chây ì cố tình không nộp phạt. Để quyết định xử phạt có thể được thi hành thì phải triển khai biện pháp cưỡng chế đối với các cơ sở này. Và biện pháp cưỡng chế có thể thực hiện được đối với các cơ sở này là kê biên tài sản (chuồng trại, đất đai). Nhưng hầu như chuồng trại của các cơ sở này đều đã được mang đi thế chấp ngân hàng. Theo khoản 6 Điều 19 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, có quy định những tài sản không được kê biên là tài sản đang được cầm cố, thế chấp bất hợp pháp. Vì vậy, việc cưỡng chế thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính hiện đang là vướng mắc. Đồng thời quy định về thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt (quy định tại Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính) không quy định thẩm quyền ban hành của Chánh Thanh tra Sở, nhưng cũng không quy định đối với trường hợp thẩm quyền quyết định cưỡng chế đối với những quyết định xử phạt do Chánh Thanh tra Sở ký.

Chưa có quy định đối với các cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng: không có kế hoạch bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt khi phá dỡ từng con tàu; không có ụ khô hoặc có bãi chuyên dụng trên bờ và thiết bị kéo tàu lên bờ phù hợp, bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi

trường để làm địa điểm trực tiếp thực hiện phá dỡ tàu biển; không có công nghệ, thiết bị phá dỡ, xử lý tạp chất đi kèm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải; không có trang thiết bị, biện pháp kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường tại địa điểm phá dỡ tàu biển; không có cán bộ được cấp chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chưa quy định các biện pháp xử lý đối với các trường hợp gây ô nhiễm môi trường liên tục, kéo dài (không đến mức đình chỉ hoạt động có thời hạn) nhưng chây ì không thực hiện biện pháp khắc phục.

Đối với các vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn chưa có quy định xử phạt đối với các hành vi: không có biện pháp phòng, trừ dịch bệnh trong khu bảo tồn; không theo dõi, tổ chức thu thập thông tin, số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn; không báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; không xây dựng, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phục hồi hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn. (Điều 29. Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý, tổ chức được giao quản lý khu bảo tồn - Luật Đa dạng sinh học 2008). Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học: hành vi không đăng ký, khai báo nguồn gốc, không lập hồ sơ theo dõi các cá thể loài thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ; không có biện pháp phòng dịch, chế độ chăm sóc, chữa bệnh cho các loài tại cơ sở; không thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình trạng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định.

Các quy định về quản lý chất thải đã thay đổi theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2015 quy định về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, nhiều hành vi vi phạm không còn phù hợp như: vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ tái sử dụng chất thải nguy hại; đối với hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Việc Công bố công khai thông tin về tình hình ô nhiễm và vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định tại Điều 60 của Nghị định số

179/2013/NĐ-CP thì chỉ áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính bị tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường hoặc bị đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường, các Cơ sở bị áp dụng hình thức buộc di dời và cấm hoạt động. Tuy nhiên, những cơ sở gây ô nhiễm môi trường kéo dài, liên tục mà chưa tới mức ô nhiễm nghiêm trọng thì không thể áp dụng biện pháp này. Như vậy, một số lớn các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nhưng không thể áp dụng bất kỳ biện pháp nào khác để gia tăng tính rắn đẽ.

2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2014;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;
- Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Nghị định số 114/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;
- Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.
- Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ;

- Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp;

- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải;

- Thông tư số 40/2015/TT-BTNMT ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy trình kỹ thuật quan trắc khí thải;

- Bộ luật Hình sự (sửa đổi) đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ X thông qua....

Sự thay đổi ở các văn bản quy phạm pháp luật này đòi hỏi phải có sự điều chỉnh ở chế tài xử phạt cho phù hợp với các quy định mới. Việc sửa đổi, bổ sung các chính sách pháp luật cho phù hợp với thực tiễn khách quan là tất yếu, trước những thách thức mà chúng ta đang phải đối mặt đối với các vấn đề môi trường của Việt Nam thì việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 179/2013/NĐ-CP là hết sức cần thiết để hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định.

3. Kết quả điều tra, khảo sát các doanh nghiệp

Kết quả điều tra, khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp cho thấy còn nhiều vi phạm, tồn tại trong việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, các nhóm hành vi vi phạm chủ yếu:

+ Nhóm hành vi vi phạm các thủ tục hành chính, chế độ báo cáo và thực hiện

không đúng, không đầy đủ các nội dung báo cáo ĐTM được phê duyệt và cam kết BVMT đã được xác nhận như: để nước thải rò rỉ vào đường thoát nước mưa; không đấu nối triệt để nước thải từ các doanh nghiệp vào hệ thống thu gom nước thải của KCN; thay đổi công trình bảo vệ môi trường, diện tích cây xanh không đảm bảo theo cam kết, diện tích sử dụng cho các hạng mục công trình thay đổi so với cam kết...;

+ Nhóm hành vi vi phạm về quản lý CTNH: Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định; không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại phải đăng ký và quản lý theo quy định; không đóng gói, bảo quản chất thải nguy hại theo chủng loại trong các bao bì chuyên dụng hoặc thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định; bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định; không thu gom triệt để chất thải nguy hại vào khu vực lưu giữ tạm thời theo quy định; không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có Giấy phép quản lý chất thải nguy hại quá 12 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý, tiêu hủy theo quy định;

+ Nhóm hành vi vi phạm về tự ý điều chỉnh, thay đổi thiết kế, công nghệ của các công trình xử lý chất thải nhằm xả trộm chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường;

+ Nhóm hành vi xả chất thải (nước thải, khí thải) vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép ra ngoài môi trường, gây ô nhiễm môi trường;

+ Nhóm hành vi kê khai thiếu hoặc trốn phí BVMT đối với nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại và các loại phí môi trường khác.

III. ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH SỐ 179/2013/NĐ-CP

1. Những quy định chung

Đề nghị bỏ nội dung liên quan đến cấm hoạt động và quyết định buộc di dời đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đưa buộc di dời thành biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm; quy định thêm nội dung đối tượng áp dụng là: hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể vi phạm các quy định của Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm. Báo cáo đánh giá tác động môi

trường bao gồm: báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ; báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết; báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở đang hoạt động; báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bao gồm: Đề án ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường; dự án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường bao gồm: Giấy xác nhận về việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước khi đi vào vận hành chính thức; Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Giấy xác nhận việc đã thực hiện một trong các hạng mục công trình của dự án đã được đầu tư trong trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư theo nhiều giai đoạn trước khi đưa dự án, công trình vào vận hành chính thức và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường bao gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường và Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phục vụ giai đoạn vận hành từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án. Giấy phép xử lý chất thải nguy hại bao gồm: Giấy phép xử lý chất thải nguy hại; Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại; Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại và Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu huỷ chất thải nguy hại. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu và Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Quy định rõ nội dung áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, thay đổi thuật ngữ “thông số môi trường không nguy hại” bằng thuật ngữ “thông số môi trường thông thường” cho phù hợp với thực tiễn áp dụng và các văn bản có liên quan; các thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường còn lại của cùng mẫu chất thải đó sẽ bị phạt tăng thêm từ 10% đến 50% của mức phạt tiền cao nhất của hành vi đã chọn đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật đó nhưng tổng mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm không vượt quá mức phạt tiền tối đa.

Quy định rõ việc sử dụng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, (Nội dung sửa đổi chi tiết trong Dự thảo Nghị định).

2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

+ Các quy định xử phạt vi phạm hành chính về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường; thực hiện báo cáo ĐTM; thực hiện đề án bảo vệ môi trường, hoạt động không có thủ tục môi trường. Các quy định này cần xác định cụ thể các hành vi vi phạm, phân loại theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm; xác định mức xử phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền 500.000.000 đồng (bằng 50% mức phạt tiền tối đa); áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động của bộ phận, cơ sở gây ô nhiễm môi trường và buộc khắc phục hậu quả vi phạm theo quy định;

+ Các quy định xử phạt về hành vi xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ô nhiễm môi trường. Các quy định này cần xác định cụ thể các hành vi vi phạm, mức độ gây ô nhiễm theo các thông số môi trường thông thường và nguy hại, các khoảng chia về lưu lượng và khối lượng chất thải, đảm bảo sự công bằng và khoa học, có tính đến những nguồn thải lớn nhất là trên 5.000 m³/ngày đêm (như Nghị định số 117/2009/NĐ-CP trước đây), lưu lượng khí thải trên 100.000 m³/giờ; quy định khung phạt gây ô nhiễm tiếng ồn, độ rung tương thích với quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới ban hành. Mức phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền tối đa là 1.000.000.000 đồng cho các nguồn thải lớn hoặc thải chất thải có chứa chất nguy hại gây ô nhiễm nghiêm trọng hoặc có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường; áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động của bộ phận, cơ sở gây ô nhiễm môi trường, buộc khắc phục hậu quả vi phạm và buộc thanh toán kinh phí giám định mẫu môi trường theo quy định của Luật Thanh tra và pháp luật hiện hành trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải.

+ Các quy định xử phạt về quản lý chất thải. Các quy định này cần xác định cụ thể các hành vi vi phạm về quản lý chất thải, mức phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền tối đa là 1.000.000.000 đồng đối với hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại gây ô nhiễm môi trường; áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường hoặc đình chỉ hoạt động của bộ phận, cơ sở gây ô nhiễm môi trường,

buộc khắc phục hậu quả vi phạm và thanh toán kinh phí giám định mẫu theo quy định hiện hành.

+ Các quy định xử phạt về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học; bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, quan trắc môi trường. Các quy định này cần xác định cụ thể các hành vi vi phạm, mức phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền tối đa là 1.000.000.000 đồng đối với hành vi gây sự cố tràn dầu lớn, đổ, thải chất thải nguy hại gây ô nhiễm biển; áp dụng xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm, buộc khắc phục hậu quả vi phạm, bồi thường thiệt hại và thanh toán kinh phí giám định mẫu theo quy định.

+ Các quy định xử phạt về bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật và tài nguyên di truyền; cản trở hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, bao gồm các điều từ 39 đến 46 của Nghị định. Các quy định này xác định cụ thể hành vi vi phạm, mức phạt từ cảnh cáo đến phạt tiền tối đa là 1.000.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép loài thực vật, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài ngoại lai xâm hại; áp dụng xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động đối với vi phạm nghiêm trọng.

Đối với nội dung vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường: để đảm bảo công bằng trong quá trình xử phạt, nên tách ra thành 04 khoản theo quy mô, công suất hoạt động, mức độ phát thải và thủ tục cấp phép hoạt động, cụ thể: Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và không thuộc trường hợp quy định nêu trên; hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường và hành vi vi phạm quy định về thực hiện bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Đối với nội dung vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, để công bằng trong quá trình xử phạt do quy mô hoạt động của các cơ sở được phê duyệt báo cáo ĐTM cấp tỉnh nhỏ hơn cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt nên tại điều này chia thành 02 khoản: Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ, cơ quan ngang Bộ và hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bỏ quy định đối với nội dung quy định các hành vi vi phạm trong quá trình lập, thẩm định báo cáo ĐTM, cung ứng dịch vụ môi trường, do không đủ điều kiện thì cơ quan phê duyệt sẽ không phê duyệt theo quy định.

Đối với hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường, để đảm bảo tính công bằng trong quá trình xử phạt nên chia tương ứng như đối với hành vi vi phạm về kế hoạch bảo vệ môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể: Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này; hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Tương tự đối với các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tương ứng với các điều về thủ tục môi trường.

Căn cứ vào Điều 71 Luật Bảo vệ môi trường về Bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản, Điều 67 Bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung; Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 thông tư về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao,

Dự thảo Nghị định quy định thêm các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản, cụ thể các hành vi vi phạm: Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong làng nghề vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường bị xử phạt như đối với cá nhân, tổ chức hoạt động bên ngoài các làng nghề. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh cơ sở hạ tầng của khu doanh, dịch vụ tập trung. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản. Phạt đối với hành vi không có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; không có hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục đối với trường hợp phải có hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và chuyển số liệu cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền theo quy định.

Nên chia tiếp tục chia nhỏ khoảng vượt và lưu lượng thải, không phạt tiền đối với hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (trương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%), chỉ phạt tiền khi mẫu chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 lần trở lên, đặc biệt đối với hành vi tái phạm về xả nước thải vượt dưới 1,1 lần, và lưu lượng được tính cho mức phạt cao nhất là 5.000 m³/ngày (24 giờ), chia số lần vượt từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần; từ 1,5 lần đến dưới 2 lần; từ 2 lần đến dưới 5 lần; từ 5 lần đến dưới 10 lần và từ 10 lần trở lên), cụ thể chia nhỏ lưu lượng thải hơn từ mức 1.000 m³/ngày (24 giờ): Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước

thải từ 2.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 170.000.000 đồng đến 190.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 190.000.000 đồng đến 210.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 210.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 230.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m³/ngày (24 giờ); Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 270.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m³/ngày (24 giờ).

Do đặc thù các thông số khí thải cho phép trong quy chuẩn kỹ thuật thường rất lớn nên vượt 01 lần quy chuẩn cho phép thì mức độ phát thải ra môi trường đã rất cao nên tiếp tục chia nhỏ khung hình phạt: Phạt cảnh cáo đối với hành vi thải mùi hôi thối vào môi trường; thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%); chia các khoảng vượt quy chuẩn cho phép (gồm: dưới 1,1 lần tương đương vượt quy chuẩn kỹ thuật 10%; từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần; từ 1,5 lần đến dưới 2 lần; từ 2 lần đến dưới 3 lần và từ 3 lần đến dưới 10 lần).

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu, cần quy định rõ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: nên quy định rõ các hành vi vi phạm về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, tại Điều này quy định chi tiết về Hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định hoặc không đúng quy định về bảo vệ môi trường; hành vi người điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông; hành vi không sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng trong quá trình vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa làm rò rỉ, phát tán ra môi trường; hành vi không phân loại, không lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không ký hợp đồng hoặc không chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định;

hành vi không phân loại, không lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định; không ký hợp đồng hoặc không chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không báo cáo định kỳ về tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định; Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt ; Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường không đúng nơi quy định hoặc không đúng quy định về bảo vệ môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, (chi tiết trong Dự thảo Nghị định kèm theo).

Theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải, các quy định về quản lý chất thải nguy hại có nhiều nội dung thay đổi theo hướng hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác quản lý chất thải đặc biệt các đơn vị ở xa trung tâm, khó khăn trong công tác thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại đến các cơ sở xử lý có Giấy phép hoạt động, quy định cụ thể tại Điều 21, 22 và 23 của Dự thảo Nghị định quy định các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý chất thải nguy hại:

Đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại nên quy định cụ thể:

Đối với chủ nguồn thải: không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định hoặc không lập báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; kê khai không đúng, không đầy đủ chất thải nguy hại đã chuyển giao trong chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không báo cáo theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc lưu giữ chất thải nguy hại quá 06 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại trong trường hợp chưa tìm được chủ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phù hợp; không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định; không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại

đã sử dụng; không lưu trữ báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo quy định; không thu gom chất thải nguy hại theo quy định; để chất thải nguy hại ngoài trời gây ô nhiễm môi trường xung quanh; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền; không thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý chủ nguồn thải trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày chấm dứt hoạt động phát sinh chất thải nguy hại; hành vi không đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại hoặc không đăng ký cấp lại chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định; không ký hợp đồng với đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp trước khi chuyển giao chất thải nguy hại để xử lý theo quy định; không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp để thu gom, xử lý theo quy định trong trường hợp chủ nguồn thải đã định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương không cho phép tiếp tục lưu giữ; không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại để quản lý theo quy định; báo cáo không đúng thực tế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại; không đóng gói, bảo quản chất thải nguy hại trong các bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định; không bố trí hoặc bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định; hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác; hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại; làm tràn đổ chất thải nguy hại hoặc để xảy ra sự cố tràn đổ chất thải nguy hại ra môi trường đất, nước ngầm, nước mặt gây ô nhiễm môi trường; tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc không đúng nội dung trong sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; xuất khẩu chất thải nguy hại khi chưa có văn bản chấp thuận hoặc không đúng nội dung văn bản chấp thuận của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền; hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại không đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại:

Không thực hiện đúng một trong các nội dung của bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại sau: Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng; kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường; kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố; kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm; không báo cáo với cơ quan cấp phép các thay đổi về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự chủ chốt hoặc các chương trình, kế hoạch trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại so với khi được cấp phép; không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định; không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định hoặc không lập báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo không đúng thực tế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động quản lý chất thải nguy hại; không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng, báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu khác có yêu cầu lưu trữ liên quan đến hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo quy định; không lập và gửi hồ sơ đăng ký vận chuyển chất thải nguy hại xuyên biên giới cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; không lập sổ giao nhận, nhật ký theo dõi chất thải nguy hại theo quy định; không lập hồ sơ trực tuyến theo dõi hành trình phương tiện vận chuyển bằng GPS và cung cấp quyền truy cập cho cơ quan cấp phép theo quy định; không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi tham gia Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt khi địa bàn thu gom không quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại; không thông báo bằng văn bản cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại trong trường hợp có lý do phải lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại mà chưa chuyển đi xử lý sau 03 tháng nhưng không được quá 06 tháng kể từ ngày thực hiện chuyển giao ghi trên chứng từ chất thải nguy hại; không thực hiện đúng kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động; không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại trực tuyến trên hệ thống thông tin của

Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền; không trang bị hệ thống định vị vệ tinh (GPS) đối với phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định; không ký hợp đồng với chủ nguồn thải chất thải nguy hại trước khi thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định; không ký hợp đồng ba bên với chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chủ hành nghề quản lý chất thải nguy hại hoặc chủ xử lý chất thải nguy hại được cấp phép về việc chuyển giao chất thải nguy hại hoặc ký hợp đồng với chủ nguồn thải mà không có sự chứng kiến, xác nhận của chủ hành nghề quản lý chất thải nguy hại hoặc chủ xử lý chất thải nguy hại trên hợp đồng theo quy định; không có đề nghị bằng văn bản kèm theo hợp đồng để cơ quan cấp phép xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện việc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại khác; thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại ngoài địa bàn quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại; không thực hiện đúng một trong các nội dung quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại trừ trường hợp vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều này; vận chuyển chất thải nguy hại không theo tuyến đường, quãng đường, thời gian theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; phương tiện, thiết bị chuyên dụng thu gom, vận chuyển, đóng gói, bảo quản và lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định; để lẫn chất thải nguy hại khác loại có khả năng phản ứng, tương tác với nhau trong quá trình vận chuyển hoặc trong quá trình lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại ngoài danh mục chất thải nguy hại quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại; thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại vượt quá khối lượng quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại; sử dụng phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại không được đăng ký trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại; hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp; hành vi vận chuyển chất thải nguy hại khi không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp: Vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt hoặc cơ sở kinh doanh, dịch vụ (không bao gồm sản xuất) quy mô hộ gia đình, cá nhân được quản lý, xử lý theo quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; vận chuyển chất thải nguy hại thuộc Kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển chất thải nguy hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; vận chuyển chất thải nguy hại từ các công trình dầu khí ngoài biển

vào đất liền; hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại không đúng quy định về bảo vệ môi trường bị xử phạt; hành vi chuyển giao, cho, bán không đúng quy định, chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại thuộc Danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) theo quy định tại Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy gây ô nhiễm môi trường hoặc chôn lấp, đổ, thải chất thải phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường.

Đối với vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại:

Không thực hiện đúng một trong các nội dung của bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại sau: Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng; kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường; kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố; kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm; không thực hiện chương trình giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại; không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền; không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định; không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng, báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu khác có yêu cầu lưu trữ liên quan đến hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo quy định; không báo cáo với cơ quan cấp phép các thay đổi về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự chủ chốt hoặc các chương trình, kế hoạch trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại so với khi được cấp phép; không có đủ ít nhất 02 người đảm nhận quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành liên quan đến môi trường hoặc hóa học và được cấp chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại theo quy định; không có đủ ít nhất 01 người đảm nhận quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành liên quan đến môi trường hoặc hóa học đối với trạm trung chuyển chất thải nguy hại; không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định hoặc không lập báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu

của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo không đúng thực tế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động quản lý chất thải nguy hại.

Hoạt động nhập khẩu phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng quy định tại chương 5, từ Điều 22 đến Điều 24 của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có nhiều các thay đổi và quy định cụ thể trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan, vì vậy nội dung quy định về các hành vi này nên quy định cụ thể các hành vi như sau: hành vi nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; hành vi vận chuyển, quá cảnh hàng hóa, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có khả năng gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải nhiễm chất phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch; nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất, hàng hóa trong Danh mục nhà nước cấm nhập khẩu; nhập khẩu hợp chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải đã qua sử dụng để phá dỡ không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; hành vi nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng không đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Quy định về nhập khẩu phế liệu tại chương 8 từ Điều 55 đến Điều 63 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2015 quy định về quản lý chất thải và phế liệu, về cơ bản trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được quy định không thay đổi nhiều so với các văn bản quy định trước đây, cần quy định rõ các hành vi liên quan cụ thể như sau: hành vi không có báo cáo tình hình nhập khẩu và sử dụng phế liệu trong năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định; hành vi vi phạm trong trường hợp trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; hành vi kho hoặc bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hành vi không có kho hoặc bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu theo quy định; hành vi không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý tạp chất đi kèm theo quy định; hành vi nhập khẩu phế liệu không đúng chủng loại, vượt quá khối

lượng cho phép quy định trong Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; hành vi chuyển giao phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở của mình cho tổ chức, cá nhân khác; sử dụng phế liệu nhập khẩu không đúng với Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; hành vi vi phạm trong trường hợp nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất bị: hành vi lưu giữ phế liệu nhập khẩu trong trường hợp không có kho hoặc bãi đảm bảo các điều kiện quy định về bảo vệ môi trường theo quy định; hành vi nhập khẩu phế liệu không đúng chủng loại, vượt quá khối lượng cho phép quy định trong Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; hành vi chuyển giao phế liệu nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu không đúng hợp đồng ủy thác; sử dụng phế liệu nhập khẩu không đúng với Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; hành vi không thanh toán các khoản chi phí xử lý phế liệu nhập khẩu trong trường hợp số tiền ký quỹ không đủ để xử lý phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường; nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu; hành vi vi phạm quy định về tạm nhập, chuyển khẩu phế liệu: tháo, mở, sử dụng và làm phát tán phế liệu trong quá trình vận chuyển, lưu giữ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; làm thay đổi tính chất, khối lượng của phế liệu; không tái xuất, chuyển khẩu toàn bộ phế liệu đã được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa các tạp chất là chất thải nguy hại; hành vi nhập khẩu, quá cảnh phế liệu có chất phóng xạ; nhập khẩu phế liệu không thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu.

Theo quy định tại chương 5, từ Điều 49 đến Điều 51 của Luật bảo vệ môi trường các vi phạm quy định về bảo vệ môi trường biển chủ yếu tập trung vào kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo nên quy định các hành vi chủ yếu như sau: hành vi không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi hoạt động trên biển có nguy cơ gây sự cố môi trường; hành vi không có kế hoạch, nguồn lực phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong trường hợp hoạt động trên biển có nguy cơ gây sự cố môi trường; hành vi không chủ động ứng phó sự cố môi trường; không phối hợp với cơ

quan quản lý nhà nước và tổ chức có liên quan khác trong ứng phó sự cố môi trường trên biển; hành vi khai thác nguồn lợi tài nguyên sinh vật biển bằng phương tiện, công cụ, phương pháp hủy diệt, hóa chất độc, không đúng thời vụ và sản lượng theo quy định; hành vi đổ bùn nạo vét luồng, lạch xuống biển mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; hành vi nhận chìm ở biển không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hành vi đổ chất thải nguy hại, chất thải có chứa chất phóng xạ xuống vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quy định tại chương 8 từ Điều 80 đến Điều 84 của Luật Bảo vệ môi trường về bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư quy định rõ: yêu cầu bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư; bảo vệ môi trường nơi công cộng; yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình; tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường và bảo vệ môi trường trong mai táng, hỏa táng, căn cứ vào các quy định đối với tổ chức, cá nhân của các nội dung này, nên quy định cụ thể các hành vi vi phạm như sau: hành vi không nghiêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường ở nơi công cộng; hành vi vi phạm về hoạt động quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, lễ hội, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác: không có đủ công trình vệ sinh công cộng; phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng yêu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường theo quy định; không thu gom chất thải trong phạm vi quản lý theo quy định; hành vi chủ đầu tư xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư có hành vi bàn giao công trình đưa vào sử dụng mà không thực hiện đúng và đầy đủ một trong các yêu cầu về bảo vệ môi trường: không có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; không có thiết bị, phương tiện thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư; không bảo đảm các yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường; không có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải riêng biệt phù hợp với quy hoạch thoát nước thải, bảo vệ môi trường của khu dân cư; không có nơi tập trung rác thải sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường; không có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Chương 3 từ Điều 11 đến Điều 14 của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá

nhân có liên quan, cụ thể: xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất; kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; kiểm soát ô nhiễm môi trường đất đối với khu vực bị ô nhiễm hóa chất độc hại sử dụng trong chiến tranh, hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu và các chất độc hại khác; trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất của các cơ quan, nên quy định các hành vi vi phạm như sau: hành vi không thực hiện quan trắc chất lượng môi trường đất định kỳ và báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý nhà nước đối với các cơ sở được quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; hành vi không thực hiện biện pháp kiểm soát các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất tại cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ; hành vi không đánh giá chất lượng môi trường đất, không công bố thông tin giữa các đối tượng sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các cơ sở được quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP sang đất ở, đất thương mại; hành vi không có xác nhận chất lượng đất phù hợp với mục đích sử dụng là đất ở, đất thương mại của cơ quan có thẩm quyền khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các cơ sở được quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; hành vi không công khai chất lượng môi trường đất tại các khu vực bị ô nhiễm hóa chất độc hại cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Đối với vi phạm các quy định về hoạt động, sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người quy định tại Điều 30 chỉ quy định 02 hành vi: hành vi sinh sống trái phép ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người và hành vi hoạt động trái phép ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trong đó quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan, nên quy định cụ thể để xây dựng lên các hành vi vi phạm chi tiết như sau: hành vi không chuyển giao sản phẩm thải bỏ đến điểm thu hồi theo quy định; hành vi không phối hợp với nhà sản xuất thiết lập điểm thu hồi và tiếp nhận sản phẩm thải bỏ tại cơ sở của mình theo đề nghị của nhà

sản xuất; không lưu giữ các sản phẩm thải bỏ tại điểm thu hồi; không cung cấp thông tin cho nhà sản xuất theo quy định; hành vi tổ chức, cá nhân thu gom không chuyên các sản phẩm thải bỏ từ người tiêu dùng đến điểm thu hồi theo quy định; Nhà sản xuất vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ bị xử phạt như sau: hành vi không có phương án, kế hoạch thu hồi sản phẩm thải bỏ đã đưa ra thị trường Việt Nam; không báo cáo định kỳ cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định; không công khai thông tin về danh sách các điểm thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ theo quy định; hành vi không có điểm thu hồi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định; hành vi không thiết lập điểm hoặc hệ thống các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo quy định; hành vi không tiếp nhận để xử lý những sản phẩm thải bỏ của mình đã đưa ra thị trường hoặc những sản phẩm thải bỏ của mình đã đưa ra thị trường do nhà sản xuất khác thu hồi được khi có yêu cầu.

Theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản quy định chi tiết Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP bao gồm: trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, căn cứ vào trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tại Thông tư, nên quy định các hành vi cụ thể: hành vi không có xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung theo quy định; hành vi không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hành vi không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc từng giai đoạn hoạt động hoặc khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt. Do đặc thù của hoạt động khai thác và vận chuyển dầu khí và được quy định cụ thể trong Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, đã quy định cụ thể trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động này, đơn vị soạn thảo đã xây dựng các hành vi vi phạm cụ thể: hành vi để xảy ra sự cố tràn dầu hoặc phát hiện sự cố tràn dầu mà

không báo cáo kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu theo quy định; không tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia ứng phó đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu; không triển khai thực hành huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định; hành vi không thực hiện báo cáo trong ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu theo quy định; hành vi cán bộ quản lý, nhân viên liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, tàng trữ xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng không có Giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường; hành vi không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định; hành vi không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo quy định; hành vi không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định; hành vi không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định; hành vi không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định; hành vi không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định; hành vi không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu

vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định; hành vi không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn phê duyệt theo quy định; hành vi không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định; hành vi không có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu, ô nhiễm hóa chất từ tàu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; hành vi không có Kế hoạch hoạt động chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và hóa chất độc hại để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ tàu xảy ra sự cố tràn dầu trong ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố; hành vi không mua bảo hiểm hoặc các bảo đảm tài chính khác theo mức trách nhiệm dân sự được pháp luật quy định để bồi thường thiệt hại đối với ô nhiễm dầu theo quy định; hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra.

Tại mục 3, chương 10 từ Điều 108 đến Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường, quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, quy định tại Điều 74 của Luật Bảo vệ môi trường quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải và Điều 78 quy định về bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y đã quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan, bên cạnh đó tiếp thu các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương, đơn vị soạn thảo đã xây dựng lên các quy định hành vi cụ thể: hành vi không thực hiện báo cáo về vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định; hành vi vi phạm các quy định về điều kiện trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm; không sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng để vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định; hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm mà không có Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định; hành vi không kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất khi phát hiện sự cố môi trường; hành vi không thực hiện đúng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

môi trường; không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường về việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường khi xảy ra sự cố; hành vi không lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định; hành vi không đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị và tổ chức đào tạo, tập huấn phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định; hành vi không có kế hoạch và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; hành vi không chấp hành hoặc chấp hành không đúng lệnh huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện để khắc phục sự cố môi trường; hành vi không thực hiện những biện pháp thuộc trách nhiệm của mình để kịp thời ứng phó và khắc phục sự cố môi trường; hành vi không đăng ký phát thải hoá chất, kiểm kê, báo cáo và quản lý thông tin về hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y theo quy định; hành vi không thực hiện việc quan trắc môi trường đối với hoá chất nguy hại theo quy định hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; hành vi không thực hiện việc đánh giá và kiểm soát phát thải hoá chất theo quy định; hành vi sử dụng hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sai hướng dẫn, quy định và gây ô nhiễm môi trường; hành vi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép và gây ô nhiễm môi trường; hành vi nhập khẩu hóa chất, vật liệu chứa hóa chất nguy hại không đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường.

Đối với quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường, do tính chất đặc thù của việc ký quỹ có thể nên đến hàng tỷ đồng hoặc có thể chỉ vài chục triệu đồng nên nếu quy định mức tiền phạt cụ thể là không công bằng, bên cạnh đó tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và các đơn vị khác, đơn vị soạn thảo đã quy định tại Điều 35 vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường, cụ thể như sau: hành vi vi phạm về nộp phí bảo vệ môi trường bị xử phạt như sau: phạt 0,05 % mỗi ngày tính trên số tiền phí chậm nộp đối với hành vi chậm nộp phí; phạt 10 % số tiền phí thiếu đối với hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền phí phải nộp; phạt từ 2 đến 3 lần số tiền phí đối với hành vi trốn nộp phí, mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm không quá 1.000.000.000 đồng; phạt 0,05 % mỗi ngày tính trên số tiền ký quỹ cải tạo, phục

hồi môi trường chậm nộp đối với hành vi chậm nộp ký quỹ theo quy định; phạt tiền từ 2 đến 3 lần số tiền phải ký quỹ đối với hành vi không thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trước khi bắt đầu hoạt động khai thác khoáng sản. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm không quá 1.000.000.000 đồng; phạt tiền từ 220.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định.

Các hành vi vi phạm về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường được xây dựng theo quy định tại mục 01 chương 13 của Luật Bảo vệ môi trường quy định về thông tin môi trường bao gồm: thông tin môi trường; thu thập và quản lý thông tin môi trường; công bố, cung cấp thông tin môi trường; công khai thông tin môi trường, các hành vi được xây dựng cụ thể như sau: hành vi cản trở trái phép việc quan trắc, thu thập, trao đổi, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường; cung cấp dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường không đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định; không công bố, cung cấp, công khai thông tin, dữ liệu về môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định; hành vi xâm nhập trái phép vào hệ thống lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường; không thống kê, lưu trữ số liệu về các tác động đối với môi trường, về các nguồn thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định; không nộp đầy đủ các số liệu điều tra, khảo sát, quan trắc môi trường và các tài liệu liên quan khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; hành vi tẩy xóa dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường; hành vi cung cấp dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường không trung thực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Các hành vi vi phạm quy định bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường tại Điều 37 không có quy định nên giữ nguyên như Nghị định số 179/2013/NĐ-CP: Gây cản trở việc khai thác, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường; trồng cây làm ảnh hưởng đến hành lang an toàn kỹ thuật của công trình bảo vệ môi trường; hành vi dịch chuyển trái phép các thiết bị, máy móc quan trắc môi trường; hành vi xây dựng công trình làm ảnh hưởng đến hành lang an toàn kỹ thuật của công trình bảo vệ môi trường; hành vi làm hư hại các máy móc, thiết bị và công trình bảo vệ môi trường.

Các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đã có thay đổi theo quy định của Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường vì vậy nên tiếp thu các quy định mới và điều chỉnh lại trong Dự thảo Nghị định cụ thể các hành vi vi phạm như sau: hành vi thay đổi một trong các nội dung dẫn đến không đảm bảo điều kiện trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận chấp thuận bằng văn bản; hành vi hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; tẩy xóa Giấy chứng nhận; hành vi thay đổi một trong các điều kiện theo bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để thực hiện hoạt động quan trắc môi trường theo quy định; hành vi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định hoặc Giấy chứng nhận đã hết hiệu lực.

Đối với quy định các hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, bỏ quy định các quyết định hành chính do nội dung cấm hoạt động đã không quy định trong Luật bảo vệ môi trường và hình thức buộc di dời đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường đã được quy định là biện pháp khắc phục hậu quả.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trước những thay đổi về căn cứ pháp lý của Nghị định như Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, các Nghị định hướng dẫn Luật và các thông tư hướng dẫn, cùng với những bất cập trong quá trình thực thi của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP đặt ra yêu cầu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 179/2013/NĐ-CP trong thời gian sớm nhất.

Nghiên cứu theo hướng đơn giản hóa các thủ tục, báo cáo về việc triển khai dự án, xây dựng, vận hành hệ thống xử lý chất thải (có thể đưa vào nội dung ĐTM hoặc gộp chung lại cho gọn hơn).

Có quy định về tiêu chuẩn xả thải môi trường cho phù hợp vừa đảm bảo bảo vệ môi trường vừa đảm bảo khả năng xử lý của các chủ doanh nghiệp trong điều kiện thực tế của Việt Nam. Tránh tình trạng quy chuẩn quy định quá cao, không khả thi

trong quá trình xử lý hoặc quá thấp không đánh giá đúng mức độ tác động đến môi trường, cần phải có các khung tham chiếu từ kết quả đo đạc, phân tích, kiểm định, giám định mẫu chất thải và mẫu môi trường xung quanh để xác định hành vi vi phạm hành chính.

Nghiên cứu ban hành quy định trình tự thủ tục thanh tra, kiểm tra môi trường theo hướng đơn giản, nhanh gọn và đảm bảo tính bất ngờ khi tiến hành thanh tra đột xuất phù hợp với đặc điểm của thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường.

Trong trường hợp dự án đã có ĐTM, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, các thông số lấy mẫu cần phải đủ với các yêu cầu giám sát đã quy định. Trong trường hợp cần thiết cần phải phân tích các thông số có phát sinh trong nguồn thải do thay đổi về nguyên, nhiên liệu đầu vào để phục vụ quá trình xác định hành vi vi phạm được chính xác và đầy đủ.

Cơ quan quản lý nhà nước cần sớm có quy định về trang bị phương tiện vật chất kỹ thuật cần thiết cho hoạt động thanh tra chuyên ngành để tạo thuận lợi trong quá trình tác nghiệp xác định vi phạm: Phương tiện đi lại, Phương tiện đo nhanh các thông số môi trường; các phương tiện hỗ trợ kỹ thuật khác... để các có cơ sở triển khai thống nhất trong toàn quốc./.

Hà Nội, Ngày tháng năm 2016

THAY MẶT NHÓM CHUYÊN GIA

Nguyễn Xuân Hải